

THỐNG KÊ SỨC KHỎE

Đầu năm học 2024-2025 (tháng 12/2024)

Trẻ SDD thể nhẹ cân không chấm biểu 3. Tất cả trẻ còn lại chấm đủ 3 biểu

STT	THÁNG	Mẫu Giáo Thuận Thành								
		Tổng số HS của trường	TSHS được KSK	TSHS được cân đo và theo dõi BĐTT	TS THEO DÕI CÂN NẶNG (Biểu 1)	TRẺ SDD THẺ NHẸ CÂN	TS THEO DÕI CHIỀU CAO (Biểu 2)	TRẺ SDD THẺ THẤP CÒI	TS THEO DÕI CÂN NẶNG + CHIỀU CAO (Biểu 3)	TRẺ THỪA CÂN, BÉO PHÌ
1	12	186	186	186	186	1	186	3	185	38

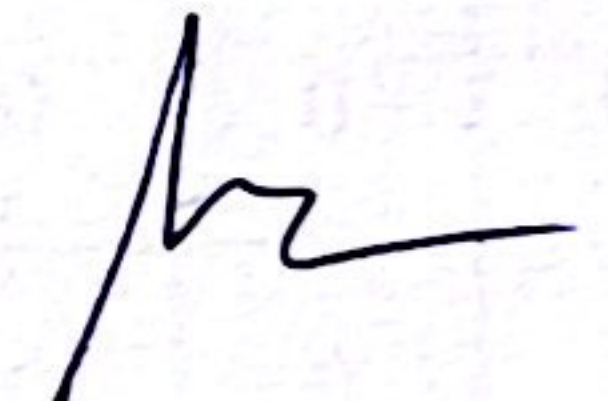
HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG MẪU GIÁO THUẬN THÀNH

Phạm Thị Hồng Lan

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

TỔNG HỢP THEO DỐI CÂN ĐO TRẺ THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	GVCN	Lớp	Tổng số trẻ	Nữ	Đã khám sức khỏe	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI											Các bệnh khác
						Cân nặng BT	SDDT NC	SDDT NCM ĐN	Chiều cao BT	SDDT TC	SDDT TCM ĐN	SDDT GC	SDDT GCM ĐN	Thừa cân	Béo Phì	Cao hơn	
1	Trần Thị Ngọc Hương Nguyễn Thị Thu Thảo	4-5 Tuổi ₁	34	18	34	26	0	0	34	0	0	0	0	4	4	0	
2	Phạm Thị Huyền Trang Đinh Thị Mai Quyên	4-5 Tuổi ₂	21	11	21	19	1	0	20	1	0	0	0	0	1	0	
3	Võ Thị Thúy Hằng Trần Hồng Diễm	5-6 Tuổi ₁	31	14	31	26	0	0	31	0	0	0	0	1	4	0	
4	Lâm Kim Ngọc Trâm Phan Thị Hồng Cúc	5-6 Tuổi ₂	30	17	30	20	0	0	30	0	0	0	0	5	5	0	
5	Trần Thị Bạch Huệ Ngô Thị Thu Thủy	5-6 Tuổi ₃	34	16	34	30	0	0	34	0	0	0	0	1	3	0	
6	Ngô Thị Ngọc Mai Võ Thị Ngọc Oanh	5-6 Tuổi ₄	36	16	36	26	0	0	34	2	0	0	0	0	10	0	
TỔNG CỘNG		6	186	92	186	147	1	0	183	3	0	0	0	11	27	0	
TỈ LỆ (%)			100	49.4	100	79.0	0.5	0.0	98.4	1.6	0.0	0.0	0.0	6.0	14.5	0.0	

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM GIÁO THUẬN THÀNH

Phạm Thị Hồng Lan

LẬP BẢNG (NV Y TẾ)

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 4-5 TUỔI, THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Trịnh Quốc Anh	31/01/2020		19		112			
2	Nguyễn Phạm Bảo Thy	16/01/2020	x			111		24	
3	Nguyễn Võ Thiên Thư	26/01/2020	x	16.5		107			
4	Nguyễn Hoàng Thiên Long	27/01/2020		14		102			
5	Lê Minh Đăng	12/02/2020		16.5		110			
6	Nguyễn Đoàn Bảo Lam	18/02/2020	x	18		104			
7	Phan An Khang	20/02/2020				117		24	
8	Lê Ngọc Hoa Mai	02/03/2020	x	21		115			
9	Trần Phúc Nam Kha	04/03/2020				109		23	
10	Phạm Thị Cẩm Tú	05/03/2020	x	16.5		109			
11	Dương Tuệ Lâm	07/03/2020	x			113			29
12	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	13/03/2020	x	19.5		108			
13	Ung Minh Khôi	13/03/2020		16		109			
14	Lê Đình Phong	20/03/2020				113		26	
15	Trần Thái Thịnh	07/04/2020		18.5		107			
16	Ngô Thiện Nhân	10/04/2020				108			29.5
17	Tất Thiên Long	28/04/2020		15.5		103			
18	Ngô Ngọc Tú Uyên	08/05/2020	x	16.5		105			
19	Nguyễn Võ Linh Đan	17/06/2020	x	23.5		113			
20	Nguyễn Vương Hiếu Nghĩa	21/06/2020		17.5		105			
21	Phan Thiên Khôi	09/07/2020		19		108			
22	Nguyễn Mai Hồng Vy	26/07/2020	x	17.5		105			
23	Nguyễn Hoàng Phương Di	28/07/2020	x	15		103			
24	Huỳnh Ngọc Thúy Vy	02/08/2020	x	20		110			
25	Nguyễn Thiên Ân	16/08/2020	x			113			25
26	Huỳnh Minh Tú	20/08/2020	x	14.5		105			
27	Phạm Thanh Sơn	01/09/2020				104			23.5
28	Nguyễn Hoàng Bảo Nhiên	15/09/2020	x	16		105			
29	Nguyễn Trần Trâm Anh	20/09/2020	x	15.5		99			
30	Phan Trung Kiên	05/11/2020		20.5		109			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Đoàn Hưng Thịnh	10/11/2020		17		103			
32	Lại Huỳnh Khánh Vy	07/12/2020	x	15		103			
33	Thái Hoàng Anh	16/12/2020		17		105			
34	Lê Cát Gia An	20/12/2020	x	22		112			
TỔNG CỘNG		34	18	26	0	34		4	4
TỶ LỆ (%)		100	53	76.4	0	100		11.8	11.8

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y Tế)



Phạm Thị Hồng Lan

Trần Thị Ngọc Hương....

Nguyễn Thị Thu Thảo..

Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 4-5 TUỔI, THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Đoàn Thiên Bảo	10/01/2020		17		103			
2	Ngô Hoàng Bảo Khánh	26/01/2020		16		107			
3	Lương Hoàng Tường Vy	28/01/2020	x	17		102			
4	Nguyễn Hoàng Bảo Lâm	26/02/2020		21		113			
5	Đoàn Đình Phong	27/02/2020		16.5		102			
6	Phạm Ngọc Tường Vân	05/03/2020	x	19		103			
7	Nguyễn Phú Trọng	01/04/2020		19		111			
8	Cam Trọng Phú	06/04/2020		20		106			
9	Huỳnh Minh Trí	16/05/2020		19		104			
10	Trương Phạm Hà Vy	29/05/2020	x	21.5		109			
11	Hồ Ngọc Phương Anh	30/05/2020	x	20		108			
12	Nguyễn Ngọc Thiện	07/07/2020				103			24
13	Phạm Trần Khánh My	13/09/2020	x	16.5		111			
14	Lương Bảo Ngọc	22/09/2020	x	17		105			
15	Nguyễn Trần Lan Phương	27/09/2020	x	16		98			
16	Đoàn Nguyễn An Nhiên	01/10/2020	x	13.5		99			
17	Nguyễn Gia Phú	16/10/2020		22		111			
18	Nguyễn Ngọc Khả Vy	05/11/2020	x	14.5		96			
19	Lưu Dương Trí	15/11/2020		15		100			
20	Lê Hồng Hân Hân	03/12/2020	x		12		93		
21	Phan Ngọc Thiên Kim	15/12/2020	x	14.5		98			
TỔNG CỘNG		21	11	19	1	20	1	0	1
TỶ LỆ (%)		100	52.3	90.6	4.7	95.2	4.7	0	4.7

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)

TRƯỜNG MẦM GIÀO THUẬN THÀNH
Phạm Thị Hồng Lan

Đinh Thị Mai Quyên.....

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI, THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Văn Minh Hạo	13/01/2019				110			24
2	Nguyễn Tuấn Khoa	14/01/2019		22		121			
3	Nguyễn Ánh Dương	14/01/2019	x	24.5		120			
4	Đặng Ngọc Minh Anh	18/01/2019	x			116			26.5
5	Huỳnh Bình An	26/02/2019		23		118			
6	Nguyễn Thành Đạt	07/03/2019		19		115			
7	Nguyễn Lê Quỳnh Như	17/03/2019	x	17.5		112			
8	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	31/03/2019	x	22		116			
9	Đoàn Huyền Anh	08/04/2019	x	20.5		112			
10	Nguyễn Hữu Vinh	17/04/2019				122			28
11	Nguyễn Minh Tân	23/04/2019				129			36
12	Lưu Minh Thiên Phú	17/05/2019		23		119			
13	Võ Quỳnh Thư	28/05/2019	x	20		110			
14	Trần Nguyễn Thanh Duy	02/07/2019		21		114			
15	Tạ Võ Như Ngọc	10/07/2019	x	15.5		104			
16	Huỳnh Thị Kiều My	19/07/2019	x	16.5		108			
17	Nguyễn Lê Hiếu Tín	31/07/2019		18		108			
18	Nguyễn Thị Kim Anh	09/08/2019	x	20		109			
19	Phan Chí Tâm	13/08/2019				109		20	
20	Trần Minh Đạt	18/08/2019		20		111			
21	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/08/2019	x	18.5		113			
22	Nguyễn Trần Thanh Hà	01/09/2019	x	18.5		112			
23	Đào Ngọc Kiều Lan	14/09/2019	x	16		104			
24	Nguyễn Hoàng Tấn Phúc	05/11/2019		21		117			
25	Trương Hoàng Lâm	09/11/2019		16		105			
26	Bùi Thị Thanh Ngân	09/11/2019	x	20		110			
27	Lê Quốc Bảo	25/11/2019		18		113			
28	Tôn Nguyễn Minh Thiện	26/11/2019		17.5		105			
29	Nguyễn Ngọc Như Ý	30/11/2019	x	22		115			
30	Trần Anh Tuấn	21/12/2019		19		108			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Phạm Nguyễn Phúc Thịnh	28/12/2019		26		119			
TỔNG CỘNG		31	14	26		31		1	4
TỶ LỆ (%)		100	45.1	83.9		100		3.2	12.9

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Vô Thị Thúy Hằng
Trần Hồng Diễm.....

Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI , THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Dương Minh An	01/01/2019		19		108			
2	Dương Minh Diệu	01/01/2019	x	17		110			
3	Đỗ Ngọc Xuân Nhã	12/01/2019	x	16		109			
4	Lâm Phước Như Ý	31/01/2019	x			120		25	
5	Nguyễn Ngọc Khả Như	24/02/2019	x			117		25	
6	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	12/3/2019	x			118			27
7	Lê Bùi Bích Trâm	19/3/2019	x			112		22.5	
8	Trần Khả Nhi	28/3/2019	x			113			30
9	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	30/3/2019	x			119			29
10	Bùi Hoàng Anh	11/04/2019				117		23	
11	Nguyễn Tuấn Kiệt	12/4/2019		18		112			
12	Tạ Lê Bảo Thy	12/05/2019	x	22		115			
13	Võ Ngọc Thủy Tiên	14/05/2019	x	19.5		118			
14	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/06/2019		18		112			
15	Phan Ngọc Khánh My	26/06/2019	x			121			28
16	Phạm Gia Hưng	15/07/2019				116			26
17	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	29/07/2019	x	21.5		115			
18	Nguyễn Trung Kiên	13/08/2019		24		120			
19	Lương Thị Ngọc Hân	17/08/2019	x	20.5		113			
20	Lê Ngọc Như Ý	19/08/2019	x	16		107			
21	Bạch Ngọc Quý	13/09/2019		17.5		111			
22	Từ Hồng Anh	23/09/2019		22		119			
23	Võ Bá Hiên	30/09/2019		20.5		114			
24	Văn Thái Thanh Vân	16/10/2019	x	19		116			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
25	Nguyễn Thiên Ân	13/11/2019		18		114			
26	Nguyễn Ngọc Thiên An	15/11/2019	x			110		21.5	
27	Lê Khải Điền	08/12/2019		16.5		103			
28	Huỳnh Thanh Phong	17/12/2019		19.5		109			
29	Cao Phương Quỳnh	20/12/2019	x	20		109			
30	Nguyễn Võ Thiên Phước	20/12/2019		16		107			
TỔNG CỘNG		30	17	20		30		5	5
TỶ LỆ (%)		100	56.6	66.6		100		16.7	16.7

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

GVCN

LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)



Phạm Thị Hồng Lan

Lâm Kim Ngọc Trâm

Phan Thị Hồng Cúc

Phạm Thị Thanh Hằng

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI, THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Dương Minh Tú	01/01/2019	x	17.5		110			
2	Trương Hoàng Gia Lâm	13/01/2019				116			30
3	Vũ Nguyễn Lưu Thịnh	16/01/2019		17		112			
4	Võ Hoàng Gia Bảo	02/02/2019		22.5		117			
5	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	09/02/2019	x	22.5		118			
6	Nguyễn Bảo Duy	20/02/2019		23.5		119			
7	Nguyễn Kim An	20/03/2019	x	18.5		107			
8	Nguyễn Duy Quý	20/03/2019				121			31
9	Khưu Thanh Lôi	05/04/2019		21		117			
10	Lê Nguyễn Mai Trang	24/4/2019	x	23.5		118			
11	Mai Thái Gia Hào	30/04/2019	x	18.5		108			
12	Trương Đăng Khôi	02/05/2019		21		113			
13	Nguyễn Ngọc Hà Phương	15/05/2019	x	17		109			
14	Kiều Phạm Khánh Phong	10/6/2019		20		110			
15	Nguyễn Ngọc Khoa	16/6/2019		20		110			
16	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	26/06/2019	x			115		25	
17	Võ Trần Hoàng Thịnh	02/07/2019		22		116			
18	Huỳnh Tuấn Minh	16/07/2019		18		108			
19	Võ Ngọc Quỳnh Như	18/07/2019	x	22		115			
20	Phan Lê Đăng Khang	24/07/2019		17.5		107			
21	Trần Nhật Bảo Khang	03/08/2019		19		108			
22	Lê Trần Đan Thư	12/08/2019	x			113			22.5
23	Nguyễn Minh Thư	13/08/2019	x	16		105			
24	Nguyễn Ngọc Linh Đan	3/9/2019	x	20		110			
25	Lê Hoàng Duy	19/09/2019		21		114			
26	Nguyễn Minh Hà	03/10/2019	x	17		109			
27	Phan Minh Mẫn	04/10/2019		18		107			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
28	Lê Minh Hải	08/10/2019		18.5		110			
29	Đoàn Ngọc Như Quỳnh	16/10/2019	x	22		116			
30	Đoàn Ngọc Trúc Quỳnh	16/10/2019	x	20		114			
31	Nguyễn Ngọc Linh Chi	21/10/2019	x	20.5		117			
32	Phạm Minh Khôi	31/10/2019		17		112			
33	Nguyễn Ngọc Hân	25/11/2019	x	17		110			
34	Trần Đông Quân	28/12/2019		23.5		114			
TỔNG CỘNG		34	16	30		34		1	3
TỶ LỆ (%)		100	47	88.2		100		3	8.8

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

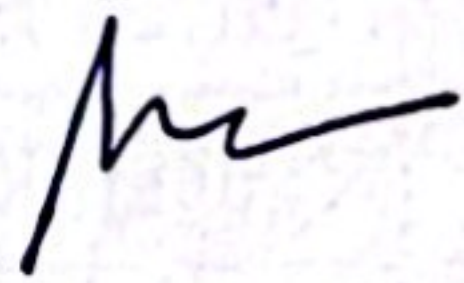


Phạm Thị Hồng Lan

GVCN

Trần Thị Bạch Huệ
Ngô Thị Thu Thủy.....

LẬP BẢNG (NV Y TẾ)


Phạm Thị Thanh Hằng

Thuận Thành, ngày 12 tháng 12 năm 2024

BẢNG THEO DÕI CÂN ĐO TRẺ LỚP 5-6 TUỔI 4 THÁNG 12
Năm học: 2024-2025

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
1	Lê Hoàng Nhân	01/01/2019		21.5		114			
2	Ngô Minh Tiến	01/01/2019				121			28.5
3	Cao Thái Trân	11/01/2019	x			118			27
4	Trần Nguyễn Bảo Khang	12/01/2019		20		110			
5	Phan Ngọc Mai	28/01/2019	x	18		108			
6	Nguyễn Trần Gia Huy	03/02/2019		20		110			
7	Lê Hải Phong	03/02/2019		22.5		118			
8	Mai An Nhiên	15/02/2019	x			122			31
9	Nguyễn An Phước	17/02/2019		22		115			
10	Phan Thành Đạt	21/02/2019				113			27
11	Đặng Phan Thiên Phúc	07/03/2019		18		112			
12	Nguyễn Thị Lan Vy	22/03/2019	x	18.5		112			
13	Huỳnh Nguyên Bảo	08/04/2019				118			28
14	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	22/04/2019				124			32
15	Lương Quỳnh Hiếu Lam	29/04/2019	x	18.5		111			
16	Trần Võ Sơn Trà	05/06/2019	x	20		110			
17	Phạm Ngọc Khánh An	06/06/2019	x	19.5		112			
18	Nguyễn Minh Trường	08/06/2019		17.5		104			
19	Lương Thanh Bảo Khang	12/06/2019		15.5		107			
20	Huỳnh Thanh Vũ	18/06/2019		15.5			103		
21	Nguyễn Gia Khánh	15/07/2019				125			35
22	Lương Minh Đức	20/07/2019		16			103		
23	Hồ Tấn Phát	20/07/2019		21.5		114			
24	Trần Cao Lâm	27/07/2019		23		118			
25	Cam Nguyễn An Nhiên	05/08/2019	x			113			28
26	Đỗ Trần Gia Hưng	14/08/2019		20.5		112			
27	Trần Duy Phúc	20/08/2019		22		115			
28	Đỗ Ngọc Nhã Uyên	08/08/2019	x	22		116			
29	Trần Huyền Bảo Khánh	25/09/2019	x	16		109			
30	Nguyễn Ngọc Cát Tường	26/09/2019	x	16.5		104			

STT	Họ tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ	KẾT QUẢ PHÂN LOẠI					
				Cân nặng BT	SDD TNC	Chiều cao BT	SDD TTC	Thừa cân	Béo phì
31	Đặng Ngọc Bích Trâm	27/09/2019	x			122			29.5
32	Phạm Linh Chi	17/10/2019	x			113			34.5
33	Huỳnh Vĩnh Khang	17/11/2019		18.5		108			
34	Trần Thị Trúc Mai	04/12/2019	x	18		104			
35	Ngô Trần Nhã Đan	23/12/2019	x	15		103			
36	Nguyễn Trúc Quỳnh	30/12/2019	x	17		107			
TỔNG CỘNG		36	16	26		34	2	0	10
TỶ LỆ (%)		100	44.4	72.2		94.4	5.6	0	27.8

DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

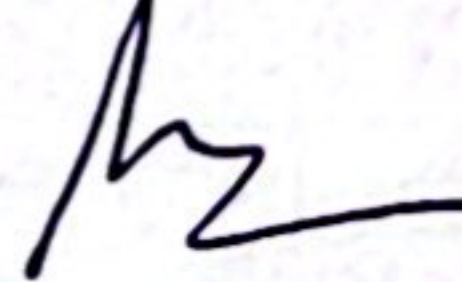


Phạm Thị Hồng Lan

GVCN

Ngô Thị Ngọc Mai...
Võ Thị Ngọc Oanh...

**LẬP BẢNG
(NV Y TẾ)**


Phạm Thị Thanh Hằng